TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06/9/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Dũng.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơ*n: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn đề ngày 04 tháng 6 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, chị Bùi Thị P là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đinh Văn H kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 08/9/2008 tại UBND xã Kh, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc ở nhà bố mẹ

đẻ anh H ở thôn C, xã Kh, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống đến tháng 03 năm 2018 thì vợ chồng chuyển đến sinh sống ở thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên đi qua đêm, uống rượu bia, không quan tâm tới mẹ con chị, chị góp ý nhưng anh H không thay đổi mà còn chửi bới, đánh chị. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay không quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đinh Văn H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 7 năm 2019, bị đơn là anh Đinh Văn H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hoà thuận, thời gian phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị P đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm nghề lái xe taxi nên thường xuyên đi làm đêm, chị P nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh cãi chửi nhau. Nay chị P ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn vì anh muốn các con có cả bố mẹ.

Về con chung: Chị Bùi Thị P và anh Đinh Văn H thống nhất, vợ chồng có hai con chung là cháu Đinh Thế H1, sinh ngày 04/11/2009 và cháu Đinh Thế H2, sinh ngày 12/12/2012. Khi ly hôn nguyện vọng của chị P, anh H đều xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, không sửa đổi, bổ sung, thay đổi gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị P. 1. Xử ly hôn giữa Bùi Thị Ph và anh Đinh Văn H. 2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thế H1, sinh ngày 04/11/2009 cho anh H

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Giao cháu Đinh Thế H2, sinh ngày 12/12/2012 cho chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Bùi Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với anh Đinh Văn H là bị đơn; địa chỉ thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Đinh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Đinh Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 08 tháng 09 năm 2008 tại UBND xã Kh, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Phương, anh Hưng chung sống hòa thuận đến tháng 06 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên đi qua đêm, uống ruợu bia, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau mặc dù vợ chồng vẫn cùng chung sống một nhà đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đươc. Chị P xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị P, anh H có hai con chung là cháu Đinh Thế H1, sinh ngày 04/11/2009 và cháu Đinh Thế H2, sinh ngày 12/12/2012. Khi ly hôn chị P, anh H không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con nên Tòa án căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần nuôi dưỡng con chung cũng như công việc, mức thu nhập của mỗi bên thấy về điều kiện nuôi con thì chị P, anh H có đủ khả năng kinh tế, thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con sau khi ly hôn. Do đó giao cháu H2 cho chị Phương trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu H1 cho anh H trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con cho nhau là phù hợp quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[6] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phương nên chị Phương phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị P và anh Đinh Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Đinh Thế H1, sinh ngày 04/11/2009 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Đinh Thế H2, sinh ngày 12/12/2012 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Bùi Thị P phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phương đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0001566 ngày 18/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị P đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đinh Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã Khả Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt